VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2018/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018*

THÔNG TƯ

Quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị

Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống; trình tự, thủ tục thẩm định, cấp Giấy chứng nhận thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống cho tuyến đường sắt đô thị khi xây dựng mới và nâng cấp; thủ tục kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành của tuyến đường sắt đô thị trong quá trình khai thác.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với đường sắt một ray dẫn hướng tự động, đường xe điện bánh sắt chạy chung nền với đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thiết kế, xây dựng, vận hành; đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống; thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống cho tuyến đường sắt đô thị khi xây dựng mới và nâng cấp; chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành của tuyến đường sắt đô thị trong quá trình khai thác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *An toàn hệ thống* là việc đảm bảo an toàn bằng cách áp dụng có hệ thống các biện pháp kỹ thuật, công cụ quản lý để xác định các nguy cơ, kiểm soát các rủi ro nhằm đạt được các mục tiêu về độ tin cậy, tính sẵn sàng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn.

2. *Chủ đầu tư* là cơ quan, tổ chức sở hữu vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý và sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng, nâng cấp đường sắt đô thị.

3. *Đánh giá rủi ro* là quá trình phân tích định tính hoặc định lượng rủi ro để có cơ sở lựa chọn áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro hiệu quả.

4. *Đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị* là việc đánh giá độc lập về an toàn hệ thống đối với các hạng mục công việc thực hiện và xác nhận tuyến đường sắt đô thị đảm bảo an toàn vận hành.

5. *Đề cương nhiệm vụ đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống* (sau đây gọi tắt là Đề cương đánh giá, chứng nhận) là tài liệu do Tổ chức chứng nhận chuẩn bị để mô tả các nội dung liên quan đến công việc đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống.

6. *Giấy chứng nhận an toàn hệ thống* là chứng chỉ của Tổ chức chứng nhận xác nhận tuyến đường sắt đô thị được thiết kế, xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn quản lý an toàn và đủ điều kiện an toàn vận hành.

7. *Hệ thống quản lý an toàn vận hành* là hệ thống quản lý của Tổ chức vận hành, bao gồm các quy định, hướng dẫn về cơ cấu tổ chức và các quy trình quản lý của Tổ chức vận hành được xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn quản lý an toàn, được cấp có thẩm quyền phê duyệt để kiểm soát hiệu quả các rủi ro.

8. *Kiểm tra, chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành* là việc kiểm tra, đánh giá định kỳ của Cơ quan quản lý nhà nước để chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn vận hành được Tổ chức vận hành duy trì liên tục, hoạt động có hiệu quả, phù hợp với quy định của Thông tư này và tiêu chuẩn quản lý an toàn đã được phê duyệt cho dự án.

9. *Rủi ro* là tỷ lệ xuất hiện của một nguy hiểm gây ra thiệt hại và mức độ nghiêm trọng của thiệt hại đó.

10. *Tổ chức chứng nhận an toàn độc lập* (sau đây gọi tắt là Tổ chức chứng nhận) là tổ chức độc lập có năng lực phù hợp được công nhận bởi các Tổ chức công nhận quốc tế, cung cấp dịch vụ đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống cho đường sắt đô thị.

11. *Thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống* là việc kiểm tra thủ tục, hồ sơ và xem xét các quy trình thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống của Tổ chức chứng nhận phù hợp với quy định của Thông tư này.

12. *Tổ chức vận hành* là tổ chức được giao quản lý, vận hành, khai thác và duy trì hoạt động của tuyến đường sắt đô thị.

Điều 4. Quy định chung về đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống

1. Đường sắt đô thị xây dựng mới trước khi đưa vào khai thác phải được đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống; thẩm định, cấp Giấy chứng nhận thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống.

2. Đường sắt đô thị khi tiến hành nâng cấp, thay đổi một trong các nội dung dưới đây phải được đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống; thẩm định, cấp Giấy chứng nhận thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống trước khi đưa vào khai thác:

a) Thay đổi hệ thống tín hiệu điều khiển chạy tàu;

b) Thay đổi kiểu loại phương tiện;

c) Cải tạo hệ thống cung cấp điện sức kéo;

d) Nâng cao năng lực vận tải, mở rộng quy mô tuyến;

đ) Thay đổi cơ cấu tổ chức của Tổ chức vận hành.

3. Đề cương đánh giá, chứng nhận phải bao gồm ít nhất các nội dung sau:

a) Phạm vi đánh giá, chứng nhận;

b) Phương pháp, quy trình thực hiện;

c) Các giới hạn an toàn, tiêu chuẩn chấp nhận rủi ro;

d) Kế hoạch thực hiện đánh giá, chứng nhận;

đ) Tài liệu chuyển giao.

Điều 5. Quy định về hệ thống quản lý an toàn vận hành

1. Hệ thống quản lý an toàn vận hành phải được xây dựng trước khi đưa tuyến đường sắt đô thị vào khai thác.

2. Hệ thống quản lý an toàn vận hành phải đảm bảo thực hiện được ít nhất các nội dung sau đây:

a) Chính sách an toàn được người đại diện theo pháp luật của Tổ chức vận hành phê duyệt và được phổ biến trong nội bộ tổ chức;

b) Các mục tiêu an toàn bao gồm: mục tiêu định tính và mục tiêu định lượng. Mục tiêu định tính là các mục tiêu về đánh giá, xếp hạng mức an toàn, mục tiêu định lượng là các mục tiêu số liệu cụ thể có thể đo đếm được;

c) Kế hoạch an toàn: kế hoạch thực hiện các mục tiêu an toàn;

d) Quản lý sự phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật và tuân thủ quy định vận hành liên quan;

đ) Quản lý sự thay đổi;

e) Quản lý rủi ro;

g) Quản lý năng lực người làm công tác vận hành, bảo trì hệ thống;

h) Quản lý đào tạo nguồn nhân lực quản lý an toàn;

i) Quản lý tài liệu, trao đổi thông tin liên quan đến an toàn;

k) Quản lý tình huống khẩn cấp: các quy định về công tác cứu hộ, cảnh báo, thông tin và phối hợp với các bên liên quan trong trường hợp khẩn cấp;

l) Quản lý điều tra tai nạn, sự cố: đảm bảo các tai nạn, sự cố, các tình huống nguy hiểm được ghi chép, điều tra và phân tích cùng với các biện pháp khắc phục phòng ngừa cần thiết được áp dụng;

m) Đánh giá nội bộ.

3. Hệ thống quản lý an toàn vận hành phải được Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, chứng nhận định kỳ trong quá trình khai thác.

Chương II
ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN AN TOÀN HỆ THỐNG

Điều 6. Nội dung đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống khi xây dựng mới

1. Đánh giá độ tin cậy, tính sẵn sàng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn đối với các hệ thống sau: phương tiện; hệ thống tín hiệu điều khiển chạy tàu; hệ thống cung cấp điện sức kéo; cửa chắn ke ga (nếu có).

2. Đánh giá rủi ro phương án sơ tán hành khách trong trường hợp khẩn cấp, trên cầu cạn, trong đường hầm, nhà ga; đánh giá rủi ro kiểm soát khói, thoát nhiệt, thông gió trong đường hầm.

3. Đánh giá tương thích điện từ.

4. Đánh giá tích hợp hệ thống.

5. Đánh giá thử nghiệm vận hành, chạy thử hệ thống.

6. Đánh giá Hệ thống quản lý an toàn vận hành.

7. Các nội dung đánh giá khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Điều 7. Nội dung đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống khi nâng cấp

1. Đánh giá độ tin cậy, tính sẵn sàng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn đối với các hạng mục nâng cấp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư này.

2. Đánh giá tích hợp hệ thống.

3. Đánh giá chạy thử hệ thống sau khi nâng cấp.

4. Đánh giá Hệ thống quản lý an toàn vận hành.

5. Các nội dung đánh giá khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Điều 8. Trình tự thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống khi xây dựng mới hoặc nâng cấp

1. Chủ đầu tư xây dựng các quy định kỹ thuật của gói thầu đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Căn cứ quy định kỹ thuật, Tổ chức chứng nhận xây dựng Đề cương đánh giá, chứng nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư này.

3. Tổ chức chứng nhận thực hiện theo Đề cương đánh giá, chứng nhận đã được phê duyệt. Căn cứ theo kế hoạch nêu trong đề cương và tiến độ thực tế của dự án, Tổ chức chứng nhận gửi báo cáo đánh giá định kỳ hoặc báo cáo đánh giá các hạng mục ngay sau khi hoàn thành công việc cho Chủ đầu tư và các bên liên quan.

4. Sau khi hoàn thành và kết thúc toàn bộ công việc theo Đề cương đánh giá, chứng nhận, Tổ chức chứng nhận lập báo cáo đánh giá cuối cùng, cấp Giấy chứng nhận an toàn hệ thống.

Điều 9. Giấy chứng nhận an toàn hệ thống

Giấy chứng nhận an toàn hệ thống bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

1. Tên, địa chỉ của Tổ chức chứng nhận.

2. Tên của tuyến, đoạn tuyến đường sắt đô thị.

3. Tên, địa chỉ của tổ chức vận hành.

4. Thông tin về đặc tính kỹ thuật của tuyến đường sắt đô thị, bao gồm: khổ đường, chiều dài tuyến, đoạn tuyến, số ga, hệ thống cung cấp điện sức kéo, thành phần đoàn tàu, hệ thống tín hiệu, năng lực chuyên chở.

5. Tiêu chuẩn áp dụng để chứng nhận.

6. Kết luận của Tổ chức chứng nhận về sự phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng và an toàn vận hành của tuyến đường sắt đô thị.

Chương III
THẨM ĐỊNH HỒ SƠ AN TOÀN HỆ THỐNG

Điều 10. Quy định về hồ sơ thẩm định

1. Việc thẩm định sẽ được thực hiện đối với từng hạng mục công việc nêu trong Đề cương đánh giá, chứng nhận, tương ứng với từng hạng mục công việc, hồ sơ thẩm định bao gồm:

a) Giấy đề nghị thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đề cương đánh giá, chứng nhận và các phiên bản cập nhật sửa đổi đã được Chủ đầu tư phê duyệt;

c) Báo cáo đánh giá và các tài liệu đánh giá kèm theo đối với các hạng mục mà Tổ chức chứng nhận đã thực hiện theo Đề cương đánh giá, chứng nhận;

d) Báo cáo xử lý, khắc phục của Chủ đầu tư đối với các vấn đề được nêu trong báo cáo đánh giá của Tổ chức chứng nhận;

đ) Báo cáo đánh giá cuối cùng và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận an toàn hệ thống của Tổ chức chứng nhận.

2. Thời điểm nộp hồ sơ:

a) Giấy đề nghị thẩm định nộp cùng với Đề cương đánh giá, chứng nhận;

b) Các tài liệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này nộp sau khi được Chủ đầu tư phê duyệt;

c) Các tài liệu theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này nộp ngay sau khi hoàn thành công việc;

d) Các tài liệu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này nộp sau khi Tổ chức chứng nhận hoàn thành và kết thúc toàn bộ công việc.

3. Cách thức nộp hồ sơ: Chủ đầu tư nộp hồ sơ thẩm định trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 11. Nội dung thẩm định

1. Kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư này.

2. Xem xét quy trình thực hiện và kết quả đánh giá của Tổ chức chứng nhận đối với các nội dung quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

3. Kiểm tra sự phù hợp của các nội dung công việc đã thực hiện với Đề cương đánh giá, chứng nhận.

Điều 12. Trình tự thực hiện thẩm định

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ.

2. Đối với việc thẩm định các hồ sơ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải có văn bản thông báo kết quả thẩm định, trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu thì phải nêu rõ lý do và yêu cầu Chủ đầu tư khắc phục, hoàn thiện.

3. Đối với việc thẩm định báo cáo đánh giá cuối cùng, Giấy chứng nhận an toàn hệ thống, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ toàn bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

a) Cấp Giấy chứng nhận thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu;

b) Có văn bản nêu rõ lý do không đạt và yêu cầu Chủ đầu tư khắc phục, hoàn thiện trong trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu.

Chương IV
KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN ĐỊNH KỲ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VẬN HÀNH

Điều 13. Quy định về kiểm tra, chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành

1. Sau 36 tháng, kể từ ngày tuyến đường sắt đô thị xây dựng mới được đưa vào vận hành, Hệ thống quản lý an toàn vận hành phải được kiểm tra, chứng nhận định kỳ lần đầu. Trước khi kết thúc thời hạn 36 tháng ít nhất 02 tháng, Hệ thống quản lý an toàn vận hành phải được tiến hành kiểm tra, chứng nhận định kỳ.

2. Trước khi Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành hết hiệu lực ít nhất 02 tháng, Hệ thống quản lý an toàn vận hành phải được tiến hành kiểm tra, chứng nhận định kỳ.

3. Hồ sơ kiểm tra định kỳ bao gồm:

a) Giấy đề nghị chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo đánh giá nội bộ của Tổ chức vận hành.

4. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức vận hành nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 14. Nội dung thực hiện

1. Xem xét báo cáo đánh giá nội bộ và các tài liệu liên quan đến Hệ thống quản lý an toàn vận hành của Tổ chức vận hành.

2. Kiểm tra việc duy trì hiệu lực của Hệ thống quản lý an toàn vận hành theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này.

Điều 15. Trình tự thực hiện

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc có văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Thông tư này, trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

a) Thực hiện kiểm tra việc duy trì Hệ thống quản lý an toàn vận hành và cấp Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm Thông tư này nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu;

b) Có văn bản trả lời và nêu rõ lý do không cấp Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị trong trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

Điều 16. Hiệu lực của Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị

1. Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị có hiệu lực 24 tháng, kể từ ngày cấp.

2. Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị sẽ hết hiệu lực khi tuyến, đoạn tuyến đường sắt đô thị tiến hành nâng cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan; Tổ chức chứng nhận có năng lực và chuyên gia có chuyên môn phù hợp để thực hiện:

1. Thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị.

2. Kiểm tra, chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Phổ biến và triển khai thực hiện Thông tư này tới các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương.

2. Thực hiện thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc quản lý an toàn đường sắt đô thị.

3. Xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm trong hoạt động đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đường sắt đô thị và vận hành, khai thác đường sắt đô thị.

Điều 19. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt điều khoản tham chiếu của hồ sơ mời thầu đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Lựa chọn Tổ chức chứng nhận có đủ điều kiện năng lực thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống cho tuyến đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Phê duyệt Đề cương đánh giá, chứng nhận của Tổ chức chứng nhận lập.

4. Chủ trì, phối hợp với Tổ chức vận hành xây dựng Hệ thống quản lý an toàn vận hành cho tuyến đường sắt đô thị xây dựng mới hoặc nâng cấp.

5. Lập và hoàn thiện hồ sơ thẩm định an toàn hệ thống theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này.

6. Lập danh mục các tiêu chuẩn áp dụng cho việc đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống trình cấp quyết định đầu tư phê duyệt theo quy định.

7. Bảo quản, lưu giữ đầy đủ hồ sơ đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống theo quy định và bàn giao đầy đủ cho Tổ chức vận hành khi tuyến đường sắt đô thị được đưa vào khai thác.

8. Thanh toán giá, phí thực hiện thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Tổ chức vận hành

1. Phối hợp với Chủ đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý an toàn vận hành cho tuyến đường sắt đô thị xây dựng mới hoặc nâng cấp.

2. Định kỳ 12 tháng, thực hiện đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý an toàn vận hành.

3. Duy trì hiệu lực và cải tiến Hệ thống quản lý an toàn vận hành phù hợp với các tiêu chuẩn quản lý an toàn đã được phê duyệt.

4. Lập và hoàn thiện hồ sơ chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Thông tư này.

5. Cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc kiểm tra, chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành.

6. Thanh toán giá, phí thực hiện kiểm tra, chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của Tổ chức chứng nhận

1. Lập Đề cương đánh giá, chứng nhận trình Chủ đầu tư phê duyệt.

2. Thực hiện theo đúng Đề cương đánh giá, chứng nhận đã được phê duyệt và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Quy định chuyển tiếp

Đối với các tuyến đường sắt đô thị triển khai xây dựng trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà dự án đã có nhiệm vụ đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống thì thực hiện theo nội dung công việc đã được phê duyệt và phải thực hiện thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống theo quy định tại Thông tư này.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 16/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Đông

Phụ lục 1

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ AN TOÀN HỆ THỐNG ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ
AN TOÀN HỆ THỐNG ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

Loại hình đánh giá, chứng nhận:..... *(Xây dựng mới/nâng cấp)*

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tên Chủ đầu tư:.....

Địa chỉ.....

.....

Điện thoại..... Fax:..... E-mail:.....

Tên Tổ chức vận hành:.....

Địa chỉ.....

.....

Điện thoại..... Fax:..... E-mail:.....

Nội dung đề nghị:.....

.....

.....

.....

.....

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN ĐỊNH KỲ
HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VẬN HÀNH ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN ĐỊNH KỲ
HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VẬN HÀNH ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tên Tổ chức vận hành:.....

Địa chỉ.....

.....

Điện thoại..... Fax:..... E-mail:.....

Nội dung đề nghị:.....

.....

.....

.....

.....

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ AN TOÀN HỆ THỐNG ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH
HỒ SƠ AN TOÀN HỆ THỐNG ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

Số:.....

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị;

Căn cứ kết quả đánh giá, chứng nhận của Tổ chức chứng nhận (tên Tổ chức chứng nhận).

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Tuyến/đoạn tuyến đường sắt đô thị:.....

Chủ đầu tư.....

Địa chỉ:.....

Tổ chức vận hành:.....

Địa chỉ:.....

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Khổ đường:.....

Chiều dài tuyến:.....

Thành phần đoàn tàu:.....

Điện áp cung cấp.....

Phương thức lấy điện:.....

Phương thức điều khiển chạy tàu:.....

Năng lực vận chuyển (người/hướng/giờ):.....

Hồ sơ an toàn hệ thống của tuyến/đoạn tuyến đường sắt đô thị:..... đã được thẩm định phù hợp với quy định của Thông tư 31/2018/TT-BGTVT.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Phụ lục 4

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỊNH KỲ

HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VẬN HÀNH ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỊNH KỲ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VẬN HÀNH ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

Số:.....

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị;

Căn cứ báo cáo đánh giá số:..... ngày:.....

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Tổ chức vận hành:.....

Địa chỉ:.....

Tên tuyến đường sắt đô thị:.....

.....

Hệ thống quản lý an toàn vận hành của tuyến đường sắt đô thị (Tên tuyến) đã được Tổ chức vận hành (Tên Tổ chức vận hành) duy trì theo quy định hiện hành và có hiệu lực, hiệu quả phù hợp với Tiêu chuẩn quản lý an toàn được phê duyệt.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM